**Organizace školního roku**

**Tổ chức của năm học**

* Vyučování začíná zpravidla v 8 : 00 a končí na prvním stupni nejpozději kolem půl jedné, na druhém stupni mají žáci již odpolední vyučování. Žáci prvního stupně mají většinou možnost navštěvovat družinu až do odpoledních hodin.

Lớp học thường bắt đầu lúc 8 : 00 và kết thúc muộn nhất lúc 12 rưỡi đối với học sinh cấp 1, lúc học sinh cấp 2 đã bắt đầu buổi học chiều. Học sinh cấp 1 đa số được lựa chọn vào để vào lớp nhà trẻ(družina) đến buổi chiều.

* Školní rok pro všechny typy škol začíná 1. září běžného roku a končí 31. srpna následujícího roku; člení se na období školního vyučování a období školních prázdnin.

Năm học mới bắt đầu đối với mọi trường vào 1. tháng 9 và kết thúc 31. tháng 8 của năm tiếp theo; được chia ra thành giai đoạn đến trường và giai đoạn nghỉ .

**Období školního vyučování**

**Giai đoạn đến trường**

* Začíná 1. září a končí 30. června následujícího kalendářního roku;

Bắt đầu từ 1. tháng 9 và kết thúc vào 30. tháng 6 của năm lịch tiếp theo

* Člení se na první a druhé pololetí. První pololetí začíná 1. září a končí 31. ledna následujícího kalendářního roku. Druhé pololetí začíná 1. února a končí 30. června.

được chia thành học kỳ 1 và học kỳ 2. Học kỳ 1 bắt đầu từ 1. tháng 9 và kết thúc vào 31.tháng 1 của năm lịch tiếp theo. Học kỳ 2 bắt đầu từ 1. tháng 2 và kết thúc vào 30.tháng 6.

* Za obě pololetí dostávají žáci **vysvědčení** o svém prospěchu..

Trong cả 2 kỳ học, học sinh sẽ nhận được bảng điểm đánh giá về học lực.

**Prázdniny – období volna:**

**Giai đoạn nghỉ học:**

**Podzimní prázdniny** - trvají dva dny a přičleňují se ke státnímu svátku 28. října.

**Kỳ nghỉ thu** – kéo dài 2 ngày và đựợc kết hợp với ngày quốc lễ 28.tháng 10.

**Vánoční prázdniny** - od 23. prosince do 2. ledna následujícího kalendářního roku

**Kỳ nghỉ giáng sinh** – từ 23.tháng 12 đến 2.tháng 1 năm lịch tiếp theo.

**Pololetní prázdniny** - trvají jeden den a připadají na pátek v době od 29. 1. do 4. 2.

**Kỳ nghỉ giữa hè** – kéo dài 1 ngày và rơi vào thứ 6 trong thời gian từ 29.tháng 1 đến 4.tháng 2

**Jarní prázdniny** - trvají jeden týden a jejich termín stanoví vyhláška podle sídla školy v rozmezí od prvního úplného týdne února do posledního úplného týdne března .

**Kỳ nghỉ xuân** – kéo dài 1 tuần và thời gian được ấn định tùy theo địa điểm của trường học trong phạm vi từ tuần đầu tiên của tháng 2 đến tuần cuối cùng của tháng 3.

**Velikonoční prázdniny** - připadají na čtvrtek a pátek předcházející Pondělí velikonočnímu.

**Kỳ nghỉ lễ phục sinh** – rơi vào thứ 5 và thứ 6 trước của ngày Thứ 2 lễ phục sinh.

**Hlavní prázdniny** -od 1. července do 31. srpna.

**Kỳ nghỉ chính**  - từ 1.tháng 7 đến 31.tháng 8.

Ze závažných důvodů, zejména organizačních a technických, může ředitel školy vyhlásit pro žáky volné dny, tzv. **ředitelské volno** a to maximálně pět v jednom školním roce.

Từ những lí do rằng buộc lẫn nhau, nhất là vấn đề tổ chức và kỹ thuật, hiệu trưởng có thể tuyên bố một số ngày nghỉ (tối đa là 5 ngày trong một năm học) gọi là **ngày hiệu trưởng**.

**Praktické rady:**

**Praktické rady:**

**Jídlo**

**Đồ ăn**

**svačiny –** v ČR si děti nosí svačinu i pití do školy, školy jim svačiny neposkytují

**bữa ăn nhẹ –** tại Séc trẻ em tự mang đồ ăn nhẹ và đồ uống đến trường, nhà trường không cung cấp.

**obědy** – školní jídelny nabízí dětem obědy, které jsou částečně dotované, ale část rodiče platí sami

**bữa trưa** – căng tin của nhà trường cung cấp cho học sinh bữa trưa – một phần được trợ cấp, một phần phụ huynh phải trả tiền

**Oblečení**

**Trang phục**

Do školy je potřeba nosit přezůvky, chodit slušně a čistě oblečeni, na tělesnou výchovu (TV) je nutné nosit sportovní oblečení a sportovní obuv.

Khi đến trường học sinh cần thiết phải mang giầy bao, đi đứng lịch sự và ăn mặc sạch sẽ, trong phòng tập thể dục bắt buộc phải mang quần áo và giày thể thao.

**Pomůcky**

**Dụng cụ**

Na konkrétní předměty jsou potřeba různé pomůcky, které si učitelé určují podle potřeby, na matematiku jsou to většinou rýsovací potřeby (pravítka, kružítko, tužky, úhloměr) a na výtvarnou výchovu výtvarné potřeby (štětce, barvy, nůžky, lepidlo..).

Đối với từng môn học cụ thể thì cần những dụng cụ khác nhau, chúng được giáo viên xác định tùy theo sự cần thiết, với môn toán đa số là cần dụng cụ để vẽ ( thước kẻ, thước vòng tròn, bút, thước đo độ), với môn giáo dục tạo hình thì cần dụng cụ tạo hình ( bút lông, mực vẽ, dao, keo dán.. )